Quyển 43 (Kinh số 1164 - 1177)

Kinh Tạp A-Hàm (HT Thiện Siêu & HT Thanh Từ - VNC PHVN, 2022)

KINH TẠPA-HÀM 937

KINH SỐ 1164 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Ba-la-nại, trong vườn Lộc Uyển, chỗ ở của các tiên nhơn. Bây giờ, có chúng nhiêu Tỳ-kheo tụ tập ở giảng đường bàn luận như vây: -Chư Tôn giả! Như lời đức Thế Tôn đáp câu hỏi Bà-la-diên-đề-xá-di-đức- lặc rằng: Nếu người biết nhị biên, Không dính mắc ở giữa, Gọi là đại trượng phu, Không đoái hoài ngũ dục, Không phiền não kềm tỏa Hết lo buồn rối rắm. Chư Tôn giả! Những câu này có nghĩa gì? Biên là sao, thế nào là nhị biên, thê nào là giữa, thê nào là roi răm, thê nào là tư, là những thứ do trí tuệ mới biết được, do liễu đạt mới rõ được, năng tri sở tri, năng liễu sở liễu, tột mé khổ, thoát khỏi khổ? Có người trả lời: Sáu nội xứ là một biên; sáu ngoại xứ là biên thứ hai; thọ là ở giữa; ái là rối rắm; tập là người thọ, đủ những nhân đó thì thân lần lần tăng trưởng thọ sanh. Đối với những pháp này thì phải dùng trí tuệ mới biết rõ ràng năng tri sở tri, năng liễu sở liễu, tột mé khổ, mới thoát khỏi khổ đau. Lại có người nói: Đời quá khứ là một biên; đời vị lai là biên thứ hai; đời hiện tại gọi là giữa; ái là rối rắm, quen tập những ái này là những sở nhân mà thân lần lần tăng trưởng thọ sanh,... thoát khổ. Lại có người nói: Thọ lạc là một biên; thọ khổ là biên thứ hai; không khổ không lạc là giữa; ái là rối rắm, quen tập ái này, được những thứ kia, thân dần dàn tiếp xúc, tăng trưởng thọ sanh,...thoát khổ. Lại có người nói: -Hữu là một biên; tập là biên thứ hai; thọ là giữa, ái là rối rắm,... (như thế, nói rộng)... thoát kho. Lại có người nói: Thân là một biên; thân tập là biên thứ hai; ái là rối rắm,... (như thế, nói rông)... thoát khô. Lại có người nói: -Tất cả những điều chúng ta nói ra không giống nhau, chỉ đưa ra những di thuyết, điều chánh yếu thì không mong hiểu biết. Bây giờ, chúng ta nên đến chỗ Thế Tôn để thưa hỏi, Ngài dạy thế nào? chúng ta theo đó phụng trì.

938 KINH TẠPA-HÀM _____

Rồi những vi Tỳ-kheo ấy cùng đi đến chỗ Phật; cúi đầu lễ chân Phật, lui ngồi một bên, bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Vừa rồi các Tỳ-kheo nhóm ở giảng đường, bàn luận như vầy: "Bài kinh mà Thế Tôn trả lời câu hỏi cho Ba-la-diên-đề-xá-di-đức-lặc về nhi biên... thoát kh&" Có người nói rằng: "Nội lục nhập xứ là một biên; ngoại lục nhập xứ là biên thứ hai; thọ ở giữa; ái là rối rắm5... (nói rộng như trước)..y Thảy đều không quyết định, chúng con bèn kéo nhau đến đây, xin hỏi đức Thế Tôn vê các nghĩa này cho chúng con biêt người nào nói đúng? Phật trả lời: -Những điều các thầy nói đều đúng. Nay Ta sẽ vì các thầy nói kinh khác. Ta có nói kinh khác cho Ba-la-diên-đề-xá-di-đức-lặc. Nghĩa là xúc là một biên; xúc tập là biên thứ hai; thọ là ở giữa; ái là rối rắm. Sau khi đã gần gũi quen tập ái, được những thứ này, thân duyên xúc tăng trưởng thọ sanh. Đối với pháp này, dùng trí biết rõ ràng, năng tri sở tri, năng liễu sở liễu, tột mé kho, thoát khỏi kho. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 1165 Tôi nghe như vây: Một thời, Tôn giả Tân-đầu-lô, ở Câu-diệm-di trong vườn Cù-sư-la. Bấy giờ, có vua nước Bà-sa tên Ưu-đà-duyên-na, đến chỗ Tôn giả

Tân-đầulô thăm hỏi, rồi lui ngồi một bên, thưa với Tôn giả: -Tôi có điều muốn hỏi, Tôn giả có rảnh để giải đáp cho chăng? Ton gia Tan-dau-lo đáp: Này Đại vương! Đại vương cứ hỏi, điều gì tôi biết sẽ trả lời.

Vua hỏi: Do duyên gì? nhân gì mà các Tỳ-kheo trẻ tuổi mới tu học, xuất gia ở trong Pháp, Luật này chưa bao lâu, được sống an lạc, các căn vui vẻ, dung mạo trong sáng, da dẻ tươi tốt, ưa tĩnh, ít động, tùy duyên sinh sống, tâm thong dong như thú rừng... trọn đời, tu trì Phạm hạnh, thanh tinh thuần nhất? Ton giả Tan-dau-lo đáp: Như lời Phật đã dạy, Như Lai, ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, với sở tri, sở kiến vì các Tỳ-kheo mà nói rằng: “Này các Tỳ-kheo! Nếu gặp người nữ lớn tuôi thì hãy coi như mẹ, gặp người ngang hàng thì hãy coi như chi và gặp người nhỏ thì hãy coi như em gái. Do nhân duyên này nên các Tỳ-kheo trẻ tuổi dù xuất gia chưa bao lâu ở trong Pháp, Luật này vẫn được sống an ổn, các căn vui vẻ, tướng mạo thanh tịnh, da dẻ tươi mát, ưa tĩnh, ít động, tùy duyên sinh sống, tâm thong dong như thú rừng,... trọn đời, tu trì Phạm hạnh, thuần nhất thanh tịnh.99

KINH TẠPA-HÀM 939

Vua hỏi: -Ngày nay người thế gian tâm đầy tham dục. Dù có gặp người lớn coi như mẹ, ngang hàng như chị, nhỏ coi như em thì ngay lúc đó tâm họ cũng theo đó bồng bột, khởi lên lòng tham dục, sân nhuế, ngu si. Như vậy lại còn có nhân duyên nào tót hơn đê ngăn trừ chăng? Tôn giả Tân-đầu-lô nói với vua nước Bà-sa: Còn có nhân duyên. Như Thế Tôn dạy: "Đức Như Lai, ứng Cling' Đẳng Chánh Giác với sở tri, sở kiến vì hàng Tỳ-kheo nói rằng: 'Thân này từ đầu đến chân, xương cốt, máu mủ được che đậy bằng một lớp da mỏng, trong thân chứa đây rây những thứ bát tinh. Quán sát kháp hét thì tóc, lông, răng, móng, nước miếng chảy dơ bẩn, da, thịt, gân, xương, mạch, tim, gan, phổi, lá lách, thận, ruột, bụng, sanh tạng, thục tạng, các màng, nước mat, mô hôi, nước dãi, nước bọt, đờm, mỡ? máu huyết dầm dề, não nhờn phẩn uớf Này Đại vương! Do nhân này, duyên này, nên các Tỳ-kheo trẻ tuổi dù xuất gia chưa bao lâu ở trong Pháp, Luật này, vẫn được sống an ổn... thuần nhất thanh tinh. Vua hỏi: Tâm người hay rong ruổi, nếu quán bất tịnh thì chạy theo cái tưởng tượng tịnh. Vậy còn có nhân duyên nào khiến cho Tỳ-kheo trẻ tuổi xuất gia chưa bao lâu trong Pháp, Luật này, được sống an ổn... thuần nhất thanh tịnh chăng? Ton giả Tan-dau-lo đáp: -Này Đại vương! Có nhân có duyên. Như lời Thế Tôn dạy: “Bức Như Lai, ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác với sở tri, sở kiến bảo các Tỳ-kheo rằng: 'Các thây phải nên gìn giữ các căn môn, khéo nhiêp tâm ý. Nêu khi mát thây sác, chớ nắm giữ sắc tướng, chớ chạy theo hình tướng tốt đẹp, mà tăng thêm sự chấp giữ. Nếu không thúc liễm mắt thì những pháp ác bất thiện, tham ái của thế gian lọt vào tâm kia. Do đó các thầy phải giữ gìn những luật nghi của mắt, tai và âm thanh, mũi và mùi, lưỡi và vị? thân và xúc, ý và pháp cũng lại như the,... giữ gìn luật nghi của y. 5 Bấy giờ, vua nước Bà-sa nói với Tôn giả rằng: Lành thay! Pháp hay quá,... giữ gìn luật nghi của các căn. Thưa Tôn giả! Tôi cũng như thế, có khi không giữ gìn thân, không giữ gìn luật nghi về các căn, không nhất niệm khi vào cung thì tâm sanh ra tham dục mãnh liệt, ngu si mãnh liệt. Ngay khi đóng cửa phòng ở một mình, ba độc cũng dấy khởi mãnh liệt trong tâm, huống lại là ở trong cung. Lại có khi tôi nhiếp

hộ được các căn, nhiếp hộ được thân thể, chuyên tâm nhất niệm, khi vào cung tham, sân, si không còn dấy khởi mạnh, khi ở trong cung còn không đốt cháy thân tâm huống là đóng cửa lại một mình. Thế nên do duyên này, nhân này hay khiến cho Tỳ-kheo trẻ tuổi xuất gia chưa bao lâu trong Pháp, Luật này được an ổn9... thuần nhất thanh tinh.

Vua nước Bà-sa Ưu-đà-duyên-na nghe Tôn giả Tân-đầu-lô nói xong, hoan hỷ, tùy hỷ? đứng dậy ra về.

KINH SỐ 1166 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Câu-diệm-di, trong vườn Cù-sư-la. Bây giờ, The Ton bao các Tỳ-kheo: Có bàn tay, nên biêt có năm giữ và buông ra. Có bàn chân nên biêt có đi qua lại. Có khuỷu tay nên biêt có co đuôi. Có bụng nên biêt có đói khát. Như thế, này các Tỳ-kheo, có mắt nên có nhãn xúc làm nhân duyên sanh ra những cảm thọ bên trong, hoặc khô hoặc vui, hoặc không khô không vui. Tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng lại như thế. Này các Tỳ-ldieo! Nếu không tay thì không biết nắm và thả. Nếu không chân thì không biết đi qua lại. Nếu không khuỷu tay thì không biết co duỗi. Nếu không có bụng thì không biết đói khát. Như thế, này các Tỳ-kheo? nếu không mát thì không có nhãn xúc làm nhân duyên sanh ra cảm thọ bên trong, hoặc khô hoặc vui, không kho không vui. Tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng lại như the. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 1167 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật tru tại nước Câu-diệm-di, trong vườn Cù-sư-la. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: -Vào thời quá khứ có bụi cỏ bên sông, có con rùa sống trong bụi cỏ ấy. Khi đó có một con dã can đói đi tìm thức ăn, vừa thay con rùa nó vội nhảy tới chụp. Con rùa thấy thế, liền thu hết tất cả đuôi đầu và bốn chân vào trong mai. Dã can đứng canh chờ rùa thò đầu, chân ra là chụp ăn liền, nhimg rình lâu quá mà rùa nhất định không ló đầu chân ra. Dã can đói quá, tức tối bỏ đi. Này các Tỳ-kheo! Ngày nay các thầy cũng nên biết như thế. Ma Ba-tuần thường tìm cơ hội bên các thầy. Nó đợi mắt các thầy đắm sắc, tai nghe tiếng, mũi ngửi mùi, lưỡi nếm vị, thân xúc chạm, ý duyên pháp mà xúi giục sanh tâm r .K : y y •

đăm nhiêm sáu trân. Do đó, này các Tỳ-kheo, các thây phải giữ gìn luật nghi của mắt. Giữ gìn được luật nghi của mắt, dù mắt sanh khởi hoặc duyên cảnh thì Ác ma không thể tìm được cơ hội thuận tiện. Tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng lại như thê. Dù sáu căn sanh khởi hoặc duyên cảnh thì Ac ma cũng không thể tìm được cơ hội thuận tiện. Giống như đối với con rùa, dã can không thể tìm được cơ hội thuận tiện. Bấy giờ, Phật liền nói kệ:

Rùa vì sợ dã can, Giâu mình vào trong mai, Tỳ-kheo khéo nhiếp tâm, Giấu kín các giác tưởng, Không nương, không sợ hãi, Giau tâm chớ nói năng. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 1168 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật trú tại nước Câu-diệm-di5 trong vườn Cù-sư-la. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Ví như lúa để ở ngã tư đường, có sáu người tráng niên cầm chày cây xúm đánh, một lát thì nát ra như bụi, rồi người thứ bảy

đến cầm chày cây đánh tiếp. Này các Tỳ-kheo, ý các thầy thế nào, đống lúa đó bị sáu người đánh, rồi người thứ bảy đến đánh nữa, lúc đó có bị nát nhừ ra không? Tỳ-kheo bạch Phật: -Bạch Thế Tôn! Nát nhừ. Phật dạy: -Này các Tỳ-kheo! Cũng thế, người ngu si thường bị sáu xúc nhập xứ đánh. Những gì là sáu? Đó là nhãn xúc nhập xứ thường bị chùy đánh; nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc nhập xứ thường bị chùy đánh. Người ngu si kia, tuy bị chùy đánh vào sáu xúc nhập xứ5 vẫn còn ý niệm mong cầu đời vị lai là giống như người thứ bảy đến đánh tiếp cho nát thêm. Này Tỳ-kheo! Nếu nói là ngã, ấy là dao động; nói là ngã sở9 ấy là dao động; nói vị lai sẽ có, ấy là dao động; nói vị lai sẽ không, ấy là dao động; nói sẽ lại có sắc, ấy là dao động; nói sẽ lại không sắc, ấy là dao động; nói sẽ lại có tưởng, ấy là dao động; nói sẽ lại không có tưởng, ấy là dao động; nói sẽ lại chẳng phải có tưởng, chẳng phải không tưởng, ấy là dao động. Vì dao động là bệnh, vì dao động là ung nhọt, vì dao động là mũi nhọn, vì dao động nên dính mắc, nên phải chơn chánh quán sát dao động là khổ, muốn được cho tâm không dao động thời phải cố gắng tu tập nhiều, nhất niệm chánh trí. Giống như dao động, suy nghĩ, hư dối cũng như thế. Có hành là do ái; noi ngã, ấy là ái; nói ngã sở, ấy là ái; nói vị lai sẽ có, ấy là ái; nói vị lai sẽ không, ấy là ái; nói sẽ có sắc, ấy là ái; nói sẽ không sắc, ấy là ái; nói sẽ có tưởng, ây là ái; nói sẽ không tưởng, ây là ái; nói sẽ chăng phải tưởng, chẳng phải không tưởng, ấy là ái. Vì ái là bệnh, ái là ung nhọt, ái là mũi nhọn, nên phải khéo tư duy quán sát ái sanh ra khổ, phải thường xa lìa tâm ái, chánh niệm, chánh trí. Này các Tỳ-kheo! ở thời quá khứ, a-tu-la đem quân chiến đấu với Đế-thích. Khi ấy trời Đế-thích bảo chư thiên cõi trời Ba Mươi Ba rằng:

“H6m nay chúng ta chiến đấu với a-tu-la, nếu chư thiên thắng, a-tu-la thua, hãy bắt sống vua a-tu-la, lấy dây cột chặt lại năm vòng đem về cung trời.” Vua a-tu-la cũng nói với quân mình: “H6m nay chúng ta đem quân đánh với chư thiên, nếu a-tu-la thắng, chư L r Ị. e

thiên thua, hãy bát sông vua trời Đê-thích, lây dây cột chặt lại năm vòng đem về cung a-tu-la.” Hai bên đánh nhau, chư thiên thắng, a-tu-la thua. Bấy giờ, trời Ba Mươi Ba bắt sống được vua a-tu-la là Tỳ-ma-chất-đa-la, cột năm vòng dây, đem về cung trời. Bây giờ, Tỳ-ma-chât-đa-la là vua a-tula, thân bi cột cứng năm vòng, đưa vào điện Chánh Pháp, cho vui chơi với ngũ dục của chư thiên. Vua a-tu-la khởi nghĩ rằng: “Chu thiên tuy thiện, nhưng a-tu-la hiền thiện và thông tuệ hơn, ta sẽ trở về cung a-tu-la?9 Khi đang nghĩ như thế thì tự thấy thân mình bị năm vòng dây ây cột chặt lại, ngũ dục của chư thiên tự nhiên biên mát. Vua A-tu-la lại nghĩ: “A-tu-la tuy thiện, nhung chư thiên hiền thiện, trí tuệ và thông suốt hơn, ta sẽ ở lại cung trời này.,, Khi đang nghĩ như thế thì thấy năm vòng dây lỏng ra, ngũ dục của chư thiên tự nhiên hiện trở lại. Vua a-tu-la bị sự cột trói vi tế như thế, nhưng Ma Ba-tuần cột càng vi tế hơn. Như khi tâm dao động tức là bị ma cột, tâm không dao động thì ma liền cởi ra. Do đó, này các Tỳ-kheo, phải thường trụ tâm không dao động, chánh niệm, chánh trí, cần phải học như thế. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SÒ 1169 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật trú tại nước Câu-diệm-di, trong vườn Cù-sư-la. Bay giơ, The Ton bảo các Ty-kheo: -Nêu có Tỳ-kheo hay Ty-kheo-ni do mat và sac làm nhân duyên sanh ra thức hoặc ưa muốn, hoặc tham, hoặc nhớ nghĩ, rồi quyết định đắm trước vào đó thì đối với những tâm như thế phải khéo tự phòng hộ. Vì sao? Vì những tâm này đều dẫn đến con đường sợ hãi, chướng ngại, có hoạn nạn. Đây là chỗ nương tựa của người ác, chẳng phải chỗ nương tựa của người lành. Do đó, nên tự phòng hộ. Tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng lại như thế. Ví như người nông phu có thửa ruộng tốt, người giữ ruộng lười biếng, ham chơi, để trâu vào ăn hết lúa mạ. Phàm phu ngu si buông lung sáu xúc nhập xứ cũng lại như thế. Nếu ruộng lúa tốt, người giữ ruộng siêng, không ham chơi thì trâu bò không vào phá được, giả sử có vào thì cũng đuổi ra hết. Nghĩa là tâm, ý hay thức của đa văn Thánh đệ tử đối với ngũ dục khéo tự giữ gìn, ngưng bặt, dứt lặng.

KINH TẠPA-HÀM 943

Nêu ruộng lúa tót, người giữ ruộng không ham choi, nêu có trâu bò vào thì tay trái kéo dây mũi, tay phải cầm roi đánh duỗi ra. Này các Tỳ-kheo! Ý các thầy nghĩ sao? Con trâu kia sau khi bị đánh đau như thế, đi từ làng về nhà, từ nhà ra làng có còn dám ăn lúa mạ như trước không? Các Tỳ-kheo đáp: Bạch Thế Tôn, không. Vì sao? Là vì nó nhớ lần trước vào ruộng, bị đánh đập kéo ra. - Như thế, này các Tỳ-kheo? nếu tâm, ý hay thức của đa văn Thánh đệ tử đối với sáu xúc nhập xứ rất nhàm chán, xa lìa, sợ hãi, nội tâm an trụ, chế ngự nhất tâm. Này các Tỳ-kheo! Thời quá khứ, có ông vua lần đầu tiên được nghe tiếng đàn hay quá, nên thích thú đắm mến, hỏi các vi đại thần rằng: "Đó là những âm thanh gì mà nghe hấp dẫn quá vãy?^ Đại thần tâu: "Tâu Bệ hạ! Đó là những tiếng dàn.” Vua nói với đại thần: "Khanh hãy đem những âm thanh ấy đến dây." Đại thần vâng lời, liền đem cây đàn đến tâu: "Tâu Đại vương! Chính cây đàn này phát ra âm thanh hay nhất.,, Vua nói: "Ta không cần cây đàn, chỉ cần đem âm thanh hấp dẫn đã nghe lần trước đến đây thôi. Đại thần tâu: “Tâu Đại vương! Cây đàn này phải gồm đủ nhiều thứ, nghĩa là phải có cán, có máng, có thùng, có dây, có da, và người đàn giỏi. Hội đủ những nhân duyên này mới thành âm thanh, chứ không phải thiêu các dụng cụ áy mà có âm thanh được. Âm thanh mà Bệ hạ nghe trước đó đã qua mất lâu rồi không thể đem đến được?5 Nhà vua khởi nghĩ: "Oi! cần gì vật hư ngụy ấy! Đàn cầm ở thế gian là vật hư dối, mà lại khiến cho người đời say mê đắm trước đến thế chăng? Bây giờ các khanh hãy chẻ nó ra từng mảnh, rồi liệng nó ra khắp mười phương.^, Các đại thần vâng lệnh, chẻ đàn ra trăm mảnh, ném nó khắp nơi. Như thế, này các Tỳ-kheo, nếu đối với sắc, thọ5 tưởng, tư, dục, biết những pháp này là vô thường, hữu vi do tâm duyên sanh, rồi chấp là ngã và ngã sở. Những thứ đó, ở vào thời khác, tất cả đều không. Này các Tỳ-kheo! Nên khởi 9 r

chánh trí bình đăng như thê, quán sát như thật. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

944 KINH TẠP A-HÀM _____

KINH SỐ 1170 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Câu-diệm-di? trong vườn Cù-sư-la. _ r _ ____ r _____ _ _____ ____ . TX Ạ • \ _ rr-ĩl_ Ạ r-i-i 12- _ _ \ 1 Bay giơ, The Ton bao các Tỳ-kheo: Như người bị bệnh hủi, tay chân lở loét, nếu thọc vào cỏ tranh sẽ bị những lá nhọn đâm chích thương tích, tăng thêm sự đau đớn. Cũng thế, phàm phu ngu si, sáu xúc nhập xứ chịu các sự đau khổ cũng giống như người bị hủi kia bị lá cỏ tranh đâm vào, bị thương, máu mủ chảy ra. Cũng thế, phàm phu ngu si, tánh tình bạo ngược, sáu căn xúc chạm liên nôi sân hận, hung dữ? quát tháo, giông như người bị bệnh hủi kia. Vì sao? Vì phàm phu ngu si vô học, tâm như hủi. Bây giờ, Ta sẽ nói về luật nghi và phi luật nghi. Thế nào là luật nghi và thế nào là phi luật nghi? Phàm phu ngu si vô học, khi mat thây săc roi gặp sác đáng yêu thì khởi nhớ nghĩ và đắm mến, với sắc khó ưa thì tức giận. Cứ thế đối với những thứ đó, lần lượt chạy theo, sanh ra nhiêu vọng tưởng tương tục, không thây lôi lâm, hoặc có thấy lỗi lầm cũng không bỏ được. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng lại như thế. Nay các Ty-kheo! Đây gọi là phi luật nghi. Thế nào gọi là luật nghi? Đa văn Thánh đệ tử khi mắt thấy sắc khả ái không khởi tâm tham dục, thấy sắc bất khả ái cũng không khởi tâm sân hận, thứ lớp không khởi những giác tưởng tương tục, và thấy sắc thì biết là quấy; biết quấy nên buông xả và xa lìa. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng lại như thế. Đây gọi là luật nghi. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 1171

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật trú tại nước Câu-diệm-di5 trong vườn Cù-sư-la.

r _ r

Bây giơ, The Ton bao các Tỳ-kheo: —Ví như người đi vào trong một căn nhà trống bắt được sáu loài thú. Đầu tiên bắt được con chó, ông lấy dây cột lại một chỗ. Ke đến bắt được con chim, rồi lần lượt bắt được rắn độc, dã can, thất-thâu-ma-la và khỉ. Những con vật này đều bị cột lại một chỗ. Con chó muốn chạy về làng; chim muốn bay lên không; răn muôn bò xuông hang; dã can muôn đên gò mả, thât-thâu-ma-la muôn vê biển; khỉ muốn vào rừng. Sáu con vật này bị cột chung lại một chỗ, nhưng sở thích không giống nhau. Mỗi con đều muốn đến chỗ an ổn của minh, không chịu vui vẻ với nhau. Vì bị cột khác chỗ của mình, nên mỗi con tự dùng sức bứt ra đê đên chô vui vẻ an ôn của minh, nhưng không thoát được. Cũng thê, sáu căn, tự tìm đên cảnh giới vui thích của nó, không vui với cảnh

KINH TẠPA-HÀM 945

giới khác. Như mắt thường tìm đến sắc khả ái, với sắc bất khả ái sanh nhàm chán; tai thường tìm âm thanh khả ái, gặp âm thanh bất khả ái sanh nhàm chán; mũi thường tìm mùi khả ái, gặp mùi bất khả ái sanh nhàm chán; lưỡi thường tìm vị khả ái, gặp vị bất khả ái sanh nhàm chán; thân thường tìm xúc chạm vật khả ái, gặp vật bất khả ái sanh nhàm chán; ý căn thường tìm đến pháp trần khả ái, gặp pháp trần bất khả ái sanh nhàm chán. Sáu căn này với bao nhiêu hành xứ, cảnh giới, mỗi căn không tìm đến cảnh giới của căn khác. Sáu căn này có đủ năng lực tự tại chạy theo cảnh giới tri giác của mình, nhưng như người kia, cột sáu con vật vào cây cột vững chắc, giả sử chúng có

dùng sức muốn thoát ra theo ý mình, nhimg chỉ lui tới mệt nhọc, không thoát được vì bị dây cột, cuối cùng dính lại cây trụ. Này các Tỳ-kheo! Ta nói ví dụ này cót muôn cho các thây hiêu rõ nghĩa ây. Sáu con vật là dụ cho sáu căn; cây trụ là dụ cho thân niệm xứ. Nếu khéo tu tập thân niệm xứ, có niệm, chẳng niệm sắc, thấy sắc khả ái thì không khởi tâm đắm trước, với sắc bất khả ái thì không sanh nhàm chán. Tai đối với tiếng; mũi đối với mùi; lưỡi đối với vị; thân đối với xúc; ý đối với pháp, đối với pháp khả ái không tìm câu ưa muôn, với pháp bát khả ái không sanh nhàm chán. Do đó, này các Tỳ-kheo, phải siêng năng tu tập nhiêu vê thân niệm xứ. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 1172 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Câu-diệm-di? trong vườn Cù-sư-la. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Ví như có bôn con răn hô rát độc, hung dữ, đựng trong một cái khạp. Bây giờ, có một người nói với người thông minh trí tuệ, chán khổ, ưa vui, ham sống, sợ chết rang: "Anh nay giữ khạp đựng răn độc này, đên lúc anh tăm rửa lau chùi, gân gũi, ra vào hay nuôi dưỡng, cho ăn uống, nếu bốn con rắn này nhảy ra thì rất có hại, nó sẽ căn anh chét hoặc gân chét. Anh nên đê phbng.” Khi ấy anh ta sợ hãi bỏ chạy, bỗng có năm kẻ thù cầm dao rượt theo để giết, vậy anh phải đề phòng. Trong lúc anh ta vì sợ bốn con rắn độc và năm kẻ thù cầm dao nên rong chạy, người kia lại nói: "Này anh! Bên trong còn có sáu thằng giặc đang rình rập anh, nếu bắt được, nó sẽ giết anh. Anh nên phòng hộ?9 Bấy giờ, anh ta vì sợ bốn con rắn độc, năm kẻ thù cầm dao, với sáu thằng giặc ở bên trong, nên kinh hãi bỏ chạy vào trong một xóm vắng, thấy một căn nhà trống mục nát sắp sập, trong nhà đó lại có những con vật hung dữ đang rượt bắt nhau không có gì vững chắc. Người kia lại nói với anh ta răng:

í6Này anh! Đây là thôn xóm vắng vẻ, có bọn giặc sẽ đến hại anh.” Khi ấy, anh ta vì sợ bốn con rắn độc, năm kẻ thù cầm dao, sáu tên giặc dữ tợn đang rình rập bên trong và một đám giặc an núp trong xóm vắng, nên anh tiếp tục chạy. Chợt gặp một con sông lớn chắn ngang đường. Dòng nước đang chảy cuồn cuộn, anh ta thấy bờ bên này nhiều đe dọa, sợ hãi, và thấy bờ bên kia an ổn, vui vẻ, mát mẻ, nhưng không có câu hay thuyên bè gì cho anh đi qua bờ bên kia. Anh ta suy nghĩ: "Ta hãy lấy cây cỏ kết lại thành chiếc bè, dùng tay chân làm phương tiện bơi qua bên kia." Nghĩ như thế rồi anh ta liền đi nhặt cây cỏ bên bờ, lấy dây cột lại thành chiếc bè? dùng tay ya chân bơi qua sông. "Thế là anh ta thoát khỏi bốn con rắn độc, năm kẻ thù cầm dao, sáu tên giặc ác bên trong và bọn giặc ân núp ở xóm văng. Anh ta bơi qua khỏi dòng nước chảy xiêt? bỏ lại những sợ hãi ở bờ bên này, đến được bờ bên kia, an toàn vui vẻ. Này các Tỳ-kheo! Ta nói ví dụ đó là để giải thích nghĩa này: Cái khạp là dụ cho sắc thân tứ đại thô tháo, nó là thể chất gồm tinh huyết bốn đại tạo; và ăn9 r ĩ 9 e : /K. uông, nuôi dưỡng, tăm rửa, thay đôi y phục là những pháp dê hoại, vô thường, biến hoại. Bốn rắn độc là dụ cho bốn đại: Bất, nước, gió, lửa. Nếu như địa đại cạnh tranh, có thể làm cho thân này chết, hoặc là gần như chết. Nếu địa, thủy, hỏa, phong cạnh tranh nhau cũng lại như thê. Năm kẻ thù câm dao rượt là dụ cho năm thọ ấm, sáu tên giặc ác bên trong là dụ cho sáu ái hỷ. Xóm vắng là dụ cho sáu nội nhập. Này thiện nam! Hãy quán sát mắt là

vô thường biến hoại, người giữ gìn mắt cũng là pháp vô thường hư dối. Tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng lại như thế. Bọn giặc ở xóm vắng là dụ cho sáu trần. Mắt bị sắc vừa ý, không vừa ý làm hại; tai đối với tiếng, mũi đối với mùi, lưỡi đối với vị, thân đối với xúc, ý đối với pháp dù vừa ý hay không vừa ý cũng đều bị hại. Dòng nước chảy xiết dụ cho bon lưu: Dục lưu, hữu lưu, kiến lưu và vô minh lưu. Con sông dụ cho ba ái: Dục ái, sác ái và vô sác ái. Bờ bên này nhiêu sợ hãi dụ cho thân xác này; bờ bên kia mát mẻ, an vui dụ cho Vô dư Niết-bàn. Chiếc bè dụ cho bát Thánh đạo. Dùng tay chân làm phương tiện bơi qua dòng nước dụ cho tinh tấn dũng mãnh đến bờ kia. Trụ xứ của Bà-la-môn dụ cho Như Lai, ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác. Như vậy, này các Tỳ-kheo, Đại sư từ bi an ủi đệ tử. Những điều đáng làm Ta đã làm xong, nay các thầy cũng phải nên làm những điều đáng làm, nên đến những nơi vắng vẻ? hoặc nơi cội cây hay trong phòng xá thanh tịnh, trải cỏ làm tòa, hoặc chỗ đất trống hay gò mả, ngồi nơi ấy mà xa lìa tất cả, tinh càn thiền định tư duy, chớ có buông lung mà về sau hối hận. Đây là pháp Ta truyền dạy. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SO 1173 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Câu-diệm-di5 trong vườn Cù-sư-la.

KINH TẠPA-HÀM 947

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Đa văn Thánh đệ tử, đối với tất cả pháp khổ, tập, diệt, vị, hoạn, ly, thấy biết như thật; thấy ngũ dục giống như hầm lửa. Sau khi quán sát ngũ dục như thế rồi tâm không còn bị năm dục: Dục tham, dục ái, dục niệm, dục trước che đậy nữa, biết hành xứ và trụ xứ của dục tâm kia mà tự phòng hộ. Phòng hộ trước với hành xứ, trụ xứ rồi tùy theo hành xứ và trụ xứ mà các tham ái và các pháp ác bất thiện của thế gian không lọt vào tâm. Thế nào gọi là đa văn Thánh đệ tử đối với tất cả pháp khổ, tập, diệt, vi, hoạn, ly thấy biết như thật? Đa văn Thánh đệ tử biết như thật khổ Thánh đế này, biết như thật khổ tập, khổ diệt, biết như thật khổ diệt đạo tích Thánh đế này. Đây gọi là đa văn Thánh đệ tử biết như thật tất cả pháp khổ, tập, diệt, vi, hoạn, ly. Thế nào gọi là đa văn Thánh đệ tử thấy năm dục như hầm lửa... tham tru, các pháp ác bất thiện của thế gian không còn che đậy tâm nữa? Ví như bên cạnh thôn xóm có một cái hầm sâu chất đầy lửa than, không có khói và lửa ngọn. Khi ấy có một người thông minh trí tuệ, ưa vui, chán khổ, ham sống, sợ chết. Ông ta khởi nghĩ rằng: “d đây có cái hầm chất đầy lửa than, nêu ta rớt xuống trong đó chác chăn phải chét." Do đó người kia xa lìa, nghĩ xa lìa, muôn xa lìa. Cũng thê, đa văn Thánh đệ tử thây ngũ dục như hâm lửa... tham ưu, các pháp ác bát thiện ở thê gian, không còn che đậy tâm. Nêu hành xứ, trụ xứ của dục tâm mà được phòng hộ trước, biết trước... tham ưu, các pháp ác bất thiện của thê gian không còn lọt vào tâm. Ví như bên cạnh thôn xóm có một cánh rừng nhiêu cây gai nhọn, khi ây có người vào rừng mim tính làm ăn. Sau khi vào rừng thây trước sau, trên dưới, phải trái toàn là gai nhọn người kia cứ chánh niệm bước đi, chánh niệm tới lui, chánh niệm mở mắt thật sáng, chánh niệm nhìn thang, chánh niệm khom người xuống. Vì sao? Vì không đê gai nhọn châm vào thân mình. Đa văn Thánh đệ tử cũng lại như thế. Nếu ở tụ lạc, thành ấp, sáng sớm đắp y, mang bát vào thôn xóm khất thực, phải khéo nhiếp hộ tâm và giữ gìn thân, chánh niệm an tru,

chánh niệm bước đi, chánh niệm mở mắt thật sáng, chánh niệm quan sát. Vì 9 . 9 ĩ : r

sao? Vì không đê cho gai nhọn làm thương tôn đên Thánh pháp, Luật. Thê nào là gai nhọn làm thương tôn đên Thánh pháp, Luật? Nghĩa là sác vừa ý, đáng ưa, đáng nhớ. Đó gọi là gai nhọn làm thương tôn đên Thánh pháp, Luật. Thế nào là sắc vừa ý, đáng ưa, đáng nhớ, lại làm thương tổn đến Thánh pháp, Luật? Đó là công năng năm dục. Nghĩa là mắt thấy sắc sanh tâm yêu mến, nhớ nghĩ, nuôi lớn dục lạc; tai nghe tiếng; mũi ngửi mùi; lưỡi nếm vị; thân tiếp xúc sanh ra ưa thích nghĩ nhớ, nuôi lớn dục lạc. Đây gọi là sác đáng yêu mến5 nhớ nghĩ làm thương tổn đến Thánh pháp, Luật. Đó gọi là đa văn Thánh đệ tử phòng hộ trước và biết trước chỗ hành xứ và nơi trụ xứ,... không để tham ưu, các pháp ác bất thiện của thế gian lọt vào tâm.

Hoặc khi đa văn Thánh đệ tử mất chánh niệm, sanh ra giác tưởng bất thiện, nuôi lớn tham, sân, si. Đó là độn căn. Đa văn Thánh đệ tử tuy khởi tập, diệt nhưng bị dục che đậy tâm, cũng giống như thỏi sắt đốt cháy đỏ, nhỏ xuống vài giọt nước, nước liên khô mát. Cũng thê, đa văn Thánh đệ tử độn căn sanh niệm cũng liền diệt mất như thế. Đa văn Thánh đệ tử đi như thê, đứng như thê, nêu quôc vương hay đại thân đến chỗ kia dùng lợi lộc để dụ dỗ rằng: “Này người nam kia! cần gì phải cạo bỏ râu tóc, mang bát sành, mặc áo cà-sa, đi xin ăn từng nhà, sao băng vui vẻ ngũ dục, bố thí làm phugc?” Thế nào, các Tỳ-kheo5 vi đa văn Thánh đệ tử ấy có nghe lời dụ dỗ của quốc vương hay đại thần mà xả giới để hoàn tục không? Các Tỳ-kheo đáp: -Bạch Thế Tôn, không. Vì sao? Vì đa văn Thánh đệ tử đối với tất cả pháp khổ, tập, diệt, vi, hoạn, ly thấy biết như thật. Thấy ngũ dục như hầm lửa,... v,.'...

tham ưu, các pháp ác bát thiện của thê gian, không còn che đậy tâm nữa nhờ đã phòng ngự trước và biêt trước những hành xứ và trụ xứ của phiên não,... tham ưu, các pháp ác bất thiện của thế gian không còn lọt vào tâm. Nếu quốc vương, đại thần hay thân tộc dùng lợi lộc dụ dỗ người ấy xả giới, hoàn tục thì sự kiện này không bao giờ xảy ra. Phật bảo: -Lành thay! Lành thay! Vi đa văn Thánh đệ tử kia tâm luôn luôn hướng đên viên ly, hướng đên lìa dục và Niêt-bàn tịch tĩnh an lạc, hướng đên chô thanh tịnh vắng lặng phiền não. Nếu bị quốc vương, trưởng giả hay thân tộc dùng lợi lộc dụ dỗ để xả giới, hoàn tục thì việc này không bao giờ xảy ra, huống là đem những chuyện kho lớn đen. Giống như sông Hang luôn luôn chảy thẳng ve phương Đông, mà có nhiều người ngăn chặn muốn cho chảy về phương Tây thì có được không? Các Tỳ-kheo đáp: -Bạch Thế Tôn! Không được. Vì sao? Vì sông Hằng luôn luôn chảy về phương Đông mà muốn nó chảy về phương Tây thì không thể được, những người kia sẽ luống chịu khổ nhọc! -Cũng thế, đa văn Thánh đệ tử luôn luôn hướng đến viễn ly cho nên muốn khiến thối chuyển hoàn tục, việc này không thể được, người muốn ấy chỉ luống chịu khô nhọc mà thôi. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 1174 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại xứ A-tỳ-xà bên sông Hằng.

KINH TẠPA-HÀM 949

Khi ấy, có Tỳ-kheo đến chỗ Phật, cúi đầu lễ chân Phật, rồi lui ngồi một bên, bạch Phật: -Lành thay! Thưa Thế Tôn! Ngài vì con thuyết pháp, sau khi nghe xong, con một mình ở chỗ vắng, chuyên cần, tinh tấn, tư duy, không buông lung, và hiên được lý do những người trong các tộc tánh, cạo bỏ râu tóc, chánh tín, không nhà, xuất gia học dạo, tiến tu Phạm hạnh, thấy pháp tự biết tác chứng: "Sịt sanh của ta đã dứt, Phạm hạnh đã thành, việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn thọ thân sau." Bấy giờ, Thế Tôn nhìn ra sông Hằng, thấy một khúc cây lớn trôi theo dòng nước chảy xuồng. Ngài bèn nói với vị Tỳ-kheo ấy rằng: Thây có thây khúc cây trôi theo dòng nước của sông Hăng này không? - Bạch Thế Tôn, con thấy! Phật bảo: Khúc cây lớn này không vướng bờ bên này, không vướng bờ bên kia, không chìm xuống đáy, không bi mắc ở cù lao, không bị nước xoáy, không bị người vớt, không bị phi nhơn giữ lại, cũng không bi mục, nó sẽ trôi theo dòng nước ra biển phải không? - Bạch Thế Tôn, đúng vậy! Phật bảo: Tỳ-kheo cũng như the! Nếu không vướng bờ bên này, không mắc bờ bên kia, không chìm xuống nước, không mắc ở cù lao, không bị dòng nước xoáy, không bi người vớt, không bị phi nhơn giữ, cũng không bị hư mục thì sẽ chảy thẳng đến Niết-bàn. Tỳ-kheo bạch Phật: -Bạch Thế Tôn! Thế nao là bờ bên này? Thế nào là bờ bên kia? Thế nào là chìm mất? Thế nào là bị mắc ở cù lao? Thế nào là bị nước xoáy? Thế nào là bi người vớt? Thế nào là bị phi nhơn giữ? Thế nào là hư mục? Cúi xin Thế Tôn vì con giải nghĩa này. Sau khi nghe xong, con sẽ một mình ở chô văng, chuyên tinh tư duy, sống không buông lung,... tự biết không còn thọ thân sau. Phật bảo: Bờ bên này là sáu căn. Bờ bên kia là sáu tran. Bị người vớt là Tỳ-kheo hay gần gũi với người thế tục, hay kết bạn với người xuất gia, gặp những hoàn cảnh sướng, khổ vui, buồn, theo việc làm của họ cũng phải thủy chung theo nhau. Đây gọi là bi người vớt. Bi phi nhơn giữ là người tu hành trì trai, giữ giới, khổ hạnh, hay tu các Phạm hạnh để được sanh lên các cõi trời. Đây gọi là bị phi nhơn giữ. Bi nước xoáy là xả giới, hoàn tục. Hư mục là phạm giới, hành các pháp bất thiện, hủ bại ít học, giống như cỏ dại, như tiếng thổi ốc. Những người như thế chẳng phải là Sa-môn mà giống Sa-môn, chăng phải là Phạm hạnh mà giống Phạm hạnh.

Như thế, Tỳ-kheo, đó gọi là không dính bờ bên này, bờ bên kia... chảy thẳng đến Niết-bàn. Sau khi Tỳ-kheo kia nghe Phật dạy xong, hoan hỷ, làm lễ lui ra. Rồi một mình ở chỗ vắng, tư duy về Kinh khúc cây trôi theo dòng nước mà Phật đã dạy5... tư biết không còn thọ thân sau và đắc A-la-hán. Lúc ấy, có một người chăn trâu tên là Nan-đề cách chỗ Phật không xa, đang cầm roi chăn trâu. Sau khi vi Tỳ-kheo đã đi rồi người chăn trâu đến chỗ Phật, cúi đầu lễ chân Phật, rồi lui ngồi một bên, bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Hiện tại con có thể không vướng bờ bên này, không mắc bờ bên kia, không bị chìm, không mắc ở cù lao, không bị người vớt, không bị phi nhơn giữ, không bị nước xoáy và cũng không bị hư mục. Vậy con có được ở trong Chánh pháp, Luật của Thế Tôn, xuất gia tu Phạm hạnh chăng? Phật hỏi: Con dẫn trâu về trả lại chủ chưa?

Người chăn trâu thưa: Bạch Thế Tôn! Trong bầy trâu có con đầu đàn có thể dẫn cả bầy về? không cần con dẫn. Xin Thế Tôn cho con xuất gia học đạo. Phật bảo: Trâu tuy tự nó có thê vê nhà được, nhimg con đã nhận lãnh cơm nước, y phục của người ta cung

câp5 do đó con phải trở vê báo cho chủ của con hay. Người chăn trâu nghe lời Phật, vui vẻ lễ Phật ra về. Lúc người chăn trâu đi chưa được bao lâu thì Tôn giả Xá-lợi-phất đang ở trong chúng bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Người chăn trâu kia muốn xin xuất gia, sao Thế Tôn lại bảo trở về. Phật đáp: Nan-đề nếu trở về nhà hưởng thụ ngũ dục thì không có việc đó. Sau khi giao trâu lại cho chủ rồi Nan-đề sẽ trở lại trong Pháp, Luật này, xuất gia học đạo, tinh tu Phạm hạnh... tự biết không còn thọ thân sau, chứng A-la-hán. Bấy giờ, Nan-đề giao trâu lại cho chủ rồi liền trở lại chỗ Phật, cúi đầu lễ chân Phật, lui ngồi một bên, bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Con đã giao trâu lại cho chủ rồi xin Ngài cho con xuất gia học đạo trong Chánh pháp, Luật của Ngài. Phật bảo Nan-đề: Con được ở trong Chánh pháp, Luật của Ta, xuất gia học đạo, thọ Cụ túc giới làm Tỳ-kheo. Sau khi xuất gia xong, Nan-đề tư duy về lý do những người các tộc tánh

KINH TẠPA-HÀM 951

đã cạo bỏ râu tóc, mặc áo càsa, chánh tín, không nhà, xuất gia học đạo, tiến tu Phạm hạnh,... tự biết không còn thọ thân sau, chứng A-la-hán.

KINH SỐ 1175 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-dà, trong vườn cấp Cô Độc. Khi ấy, có Ty-kheo ngồi thiền tại chỗ vắng, khởi nghĩ rằng: "Ty.kheo thấy thế nào, biết thế nào để khiến cho cái thấy của mình được thanh tinh?,, Suy nghĩ như thế rồi Tỳ-kheo liền đi đến chỗ các Tỳ-kheo thưa rằng: Thưa các thầy Tỳ-kheo! Biết thế nào, thấy thế nào để khiến cho cái thấy của mình được thanh tịnh? Các Tỳ-kheo đáp: -Thưa Tôn giả! Đối với sáu xúc nhập xứ phải biết như thật tập, diệt, vi, hoạn, ly. Biết như thế, thấy như thế thì cái thấy được thanh tịnh. Tỳ-kheo này nghe Tỳ-kheo kia nói như thế thì tâm không hoan hỷ, bèn đi đến Tỳ-kheo khác hỏi: Biết thế nào, thấy thế nào để khiến cho cái thấy của mình được thanh tịnh?

Tỳ-kheo ấy đáp: Đối với sáu giới phải biết như thật tập, diệt, vi, hoạn, ly. Tỳ-kheo biết như thế, thấy như thế thì cái thấy được thanh tịnh. r A e r

Tỳ-kheo này nghe vị ây nói như thê, tâm cũng không hoan hy, lại đên Tỳ- kheo khác nữa, hỏi: -Biết thế nào, thấy thế nào để khiến cho cái thấy của mình được thanh tịnh? Tỳ-kheo ấy đáp: -Đối với năm thọ ấm phải quán sát như bệnh tật, như ung nhọt, như gai nhọn, như giết hại, vô thường, khổ, không, vô ngã. Khởi cái biết như thế, thấy như thế thì cái thấy được thanh tịnh. Tỳ-kheo này nghe nói vậy tâm cũng không hoan hỷ5 bèn đi đến chỗ Phật, cúi đàu lễ chân Phật, rồi lui ngồi một bên, bạch Phật: -Bạch Thế Tôn! Con một mình ở chỗ vắng tư duy rằng: 66Tỳ-kheo biết thế nào, thấy thế nào để khiến cho cái thấy của mình được thanh tjnh?" Sau khi nghĩ như thế, con đến hỏi các Tỳ-kheo khác ba chỗ đã nói, con nghe xong, nhimg không hoan hỷ? nên con đến Thế Tôn đem nghĩa này thưa hỏi: "Tỳ-kheo biết thế nào, thấy thế nào để khiến cho cái thấy của mình được thanh tjnh?" Phật đáp: -Vào thời quá khứ, có một người chưa từng thấy khẩn thú, bèn đến người đã từng thấy khẩn thú hỏi:

952 KINH TẠPA-HÀM

“Anh biết khẩn thú khong?99
Đáp:

“Biết.”

Lại hỏi:

“Hinh dạng thế nào?"

Đáp:

"Tôi thấy nó màu đen như cái cột bị cháy sém.,^

Người này nghe nói khẩn thú màu đen như cái cột cháy sém thì không hoan hỷ, bèn đi đến người khác đã từng thấy khẩn thú và hỏi:

"Ông có biết khẩn thú không?95

Người kia đáp:

“Biết.”

Lại hỏi:

"Hinh dạng của nó thế nào?"

Người từng thấy khẩn thú đáp:

ÍCSắc của nó màu đỏ, phơi bày ra như khúc thịt?5

Lúc người kia nói thấy khẩn thú như một khúc thịt bày ra, người này nghe như thế không hoan hỷ9 bèn đi đến người đã từng thấy khẩn thú khác hỏi:

"Ông có biết khẩn thú kh6ng?"

Người kia đáp:

“Biết”

Lại hỏi:

“Hinh dạng thế nào?"

Đáp:

"Thân của nó rũ xuống sum suê như quả thilọá-sa.”

Người này nghe rồi tâm cũng không hoan hỷ, lại đi hỏi người khác nữa:

"Ông có biết khẩn thú không?99

Đáp:

“Biết.”

Lại hỏi:

"Hinh dạng thế no?"

Người kia trả lời:

"N6 màu xanh lá cây, lá trơn, dài rộng như cây ni-câu-lâu-d"

Người này nghe xong, tâm cũng không hoan hỷ? lại đi khắp nơi tìm những người thấy khẩn thú để hỏi thì họ đều trả lời theo cái thấy riêng của họ; do đó,

KINH TẠPA-HÀM 953

không giống nhau. Cũng thế, nếu Tỳ-kheo một mình ở chỗ thanh vắng, chuyên tinh tư duy, sống không buông lung, nhờ pháp tư duy nên không khởi các lậu, tâm được giải thoát, và đã trả lời theo chỗ thấy của họ. Nay thầy nghe Ta nói ví dụ này, người trí nghe Ta nói ví dụ sẽ hiểu được nghĩa. Ví như có một nước ở biên giới khéo cai trị, có cửa thành vững chắc, đường sá bằng phẳng. Bốn cửa thành có bốn người canh gác, đều thông minh trí tuệ, kiểm soát sự qua lại. Trong thành có bốn con đường giao nhau, và

có đặt một cái tòa cho vị thành chủ ngồi lên. Nếu có sứ giả từ phương Đông đến hỏi người giữ cửa: "Thành chủ ở (fâu?" Người giữ cửa liền trả lời: "Đang ngồi trên tòa, ở ngã tư đường, trong thành." Vi sứ kia liền đi đến chỗ vị thành chủ nhận lãnh những lời chỉ bảo rồi đi về. Những sứ giả từ Nam, Tây, Bắc đến cũng hỏi người giữ cửa: "Thành chủ ở đâu?^ Những người giữ cửa đáp: "Giữa ngã tư đường, trong thành." Các sứ giả liền đi đến chỗ vi thành chủ, nhận lời chỉ bảo rồi mỗi người trở về chỗ cũ của mình. Phật bảo: Tỳ-kheo! Ta nói ví dụ này để nói lên ý nghĩa: Thành là dụ cho thân sắc thô tháo này... (Giống như kinh nói vỉ dụ cái khạp đựng rắn độc). Khéo trị thành quách cho vững chắc là chỉ cho chánh kiến. Đường sá bang phẳng là sáu nội nhập xứ. Bốn cửa chỉ cho bốn thức trụ. Bốn người giữ cửa chỉ cho bốn niệm xứ. Thành chủ chỉ cho thức thọ am. Sứ giả là chánh quán. Nói lời đúng sự thật là bốn chân đế. Trở về bổn xứ là tám Thánh đạo. Phật bảo: Tỳ-kheo! Nếu Đại sư vì đệ tử làm những việc đáng làm thì nay Ta đã làm xong, vì thương xót nên Ta đã nói,... (như kinh nói vỉ dụ về cái khạp đựng rắn độc). Sau khi các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, chuyên cần tư duy, không dám buông lung, tiến tu Phạm hạnh,... không thọ thân sau, chứng A-la-hán.

KINH SỐ 1176 Tôi nghe như vây: Một thời, Phật du hành trong xứ của họ Thích, đến nước Ca-tỳ-la-vệ, trong vườn Ni-câu-luật-đà. Bấy giờ, những người dòng họ Thích trong thành Ca-tỳ-la-vệ mới làm xong giảng đường, chưa có vị Sa-môn, Bà-la-môn, thiếu niên dòng họ Thích-ca và nhân dân ở trong đó. Do đó, những người dòng Thích-ca nghe Thế Tôn du hành đến Ca-tỳ-la-vệ? và đang trú trong vườn Ni-câu-luật-đà giảng về nghĩa khô vui. Họ mới bàn nhau:

Nhà này mới khánh thành, chưa có ai ở? chúng ta nên thỉnh Thế Tôn và đại chúng về đây cúng dường, sẽ được phước đức vô lượng, an ôn lâu dài, vê sau chúng ta tùy theo đó thọ dụng. Sau khi bàn nghị xong, họ cung nhau ra khỏi thành, đi đên chô Thê Tôn, cúi đầu lễ chân Phật, rồi lui ngồi một bên. Bấy giờ, Thế Tôn vì các người họ Thích, diễn nói pháp yếu khai thi, soi sáng, làm cho hoan hỷ xong, rồi ngồi im lặng. Khi ấy, những người họ Thích đứng dậy, sửa lại y phục, đảnh lễ Phật, quỳ xuông chap tay bạch Phật: -Bạch Thế Tôn! Chúng con, những người dòng họ Thích, mới làm xong một giảng đường, chưa có ai ở. Hôm nay, chúng con thỉnh Thế Tôn và đại chúng đến giảng đường mới của chúng con để chúng con được Cling dường. Kính mong Thế Tôn thọ nhận cho chúng con được phước đức và an lạc mãi mãi, về sau chúng con sẽ thọ dụng. Thế Tôn im lặng nhận lời. Khi ấy lýiững người họ Thích biết Thế Tôn nhận lời, tất cả cúi đầu lễ chân Phật và lui về. Trong ngày d6, họ dùng xe chở đồ đạc đến trang hoàng giảng đường mới, trải sàng tòa và trải cỏ mịn trên đất, dầu đèn đầy đủ. Khi mọi việc đã sửa soạn xong, họ đến chỗ Phật, cúi đầu, bạch rằng: Bạch Thế Tôn! Mọi việc đã chuẩn bi xong rồi mong Ngài biết thời.

Bấy giờ, Thế Tôn và đại chúng vây quanh trước sau đi đến ngoài giảng đường, rửa chân xong, bước vào. Thế Tôn ngồi nơi cây cột ở giữa, mặt hướng về phía Đông. Ke tiep, các Ty-kheo cũng rửa chân xong, lần lượt vào giảng đường, ngồi quay mặt hướng về phía đức Phật. Bấy giờ, những người họ Thích cũng ngồi xuống sau các Ty-kheo đê nghe

Phật thuyết pháp. Bấy giờ, Thế Tôn vì các người dòng họ Thh rộng nói pháp yếu, khai thị, soi sáng, làm cho vui mừng xong, bèn nói với các người dòng họ Thích: Này Cù-đàm! Đầu đêm đã qua, bây giờ có thể trở về Ca-tỳ-la-vệ.

Khi ấy các người dòng họ Thích nghe Phật dạy xong, hoan hỷ, tùy hỷ5 làm lễ lui về. Bấy giờ, Thế Tôn biết những người họ Thích đã đi rồi bèn bảo Đại Mục- kien-lien: Ong hãy vì các Tỳ-kheo thuyêt pháp cho họ nghe. Ta đau lưng cân nghỉ ngơi. Tôn giả Mục-kiền-liên im lặng vâng lời. Bấy giờ, Thế Tôn xếp y uất-đa-la bôn lớp trải ra lót nằm, và cuốn y Tăng-già-lê làm gối, nằm nghiêng hông bên phải, hai chân xếp lên nhau, buộc niệm, khởi tưởng tư duy về minh tướng. Bấy giờ, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên nói với các Tỳ-kheo: -Pháp của Thế Tôn thuyết, chặng dầu, giữa và cuối đều thiện, thiện nghĩa, thiện vị? thuần nhất, mãn tịnh, thanh bạch, Phạm hạnh. Ta sẽ nói về pháp hữu lậu và vô lậu. Các thầy hãy lắng nghe!

KINH TẠPA-HÀM 955

Thế nào là pháp hữu lậu? Phàm phu ngu si vô học, sau khi mắt thấy sắc, đối với sắc đáng nhớ khởi lên ưa đắm, đối với sắc không đáng nhớ khởi lên chán ghét, không trụ vào thân niệm xứ, đoi với tâm giải thoát và tuệ giải thoát không có chút trí tuệ nào, lại khởi các thứ pháp ác bất thiện không diệt được và còn mãi. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng lại như thế. Này các Tỳ-kheo! Người như thế, Thiên ma Ba- tuân sẽ đên chô họ đê dò xét điêu tệ hại đôi với việc mát thây sác của người kia mà liên năm được chô yêu. Tai đôi với âm thanh, mũi đôi với mùi, lưỡi đôi với vị, thân đối với xúc, ý đối với pháp cũng lại như thế, mà liền nắm được chỗ yếu. Giống như đống cỏ khô nổi lửa bốn bên, cỏ liền bị cháy tiêu hết; cũng thế, đối với việc mát thây sác của người kia, Thiên ma Ba-tuân liên năm được chô yêu Tỳ-kheo như thế, không thắng nổi sắc, tai đối với tiếng, mũi đối với mùi, lưỡi đối với vi, thân đối với xúc, ý đối với pháp, bị pháp chế phục không thắng nổi pháp, không thắng được sắc, không thắng được âm thanh, mùi thơm, vi ngọt, xúc chạm và pháp dễ chịu... không thắng nổi v, các pháp ác bất thiện, phiền não, khổ báo đầy rẫy; và sẽ bị sanh, già, bệnh, chết ở đời vị lai. Chư Tôn giả! Ta được nghe các pháp hữu lậu này từ đức Thế Tôn chỉ dạy. Đây gọi là Kinh pháp hữu lậu. Thế nào là pháp vô lậu? Đa văn Thánh đệ tử5 mắt thấy sắc, đối với sắc đáng nhớ không khởi tâm ưa đắm, đối với sắc không đáng nhớ không khởi chán ghét, chỉ an trụ nhất niệm, tâm giải thoát, tuệ giải thoát. Sau khi biêt như thật những pháp ây, các pháp ác bất thiện diệt hẳn không còn khởi nữa. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng lại như thế. Tỳ-kheo nào giống như thế thì dù Ma Ba-tuần có đến chỗ họ dò xét việc mắt thấy sắc của người kia để tìm chỗ yếu cũng không thể tìm được. Tai đối với tiếng, mũi đối với mùi, lưỡi đối với vị, thân đối với xúc, ý đối với pháp tìm cầu chỗ yếu cũng không tìm được. Giống như tòa lầu, tường vách kiên cố, cửa ngõ nhiều lớp đóng kín, đốt lửa bốn bên cũng không thể cháy được; những Tỳ-kheo này cũng lại như thế. Ma Ba-tuần đến chỗ họ dò xét để tìm tòi chỗ yếu không thể tìm được. Tỳ-kheo như thế, có thể thắng được sắc kia, không bi sắc chê phục. Và thăng được tiêng, mùi, vị, xúc và pháp không bi những pháp ây chế phục. Nếu thắng được sắc, thắng được tiếng, mùi, vị, xúc và pháp rồi cũng lại thắng luôn những pháp ác bất thiện, phiền não, khổ báo, cùng sanh, già,

bệnh, chết của đời vi lai. Ta đích thân nhận được pháp này từ đức Thế Tôn. Đây gọi là Kinh pháp vô lậu. Bấy giờ, Thế Tôn biết Tôn giả Đại Mục-kiền-liên thuyết pháp xong, ngồi dậy bảo Mục-kiền-liên: Lành thay! Lành thay! Mục-kiền-liên! Vì người thuyết pháp, trời, người được lợi ích, vượt qua nhiều phiền não và an lạc mãi mãi.

956 KINH TẠPA-HÀM _____

The Ton bao các Ty-kheo: Các thầy nên lãnh thọ và giữ gìn Kỉnh pháp hữu lậu, vô lậu này, nên giảng nói rộng cho người khác nghe. Vì sao? Vì nghĩa lý đầy đủ, pháp hạnh đầy đủ, Phạm hạnh đầy đủ? khai mở thần túc, hướng thẳng đến Niết-bàn,.. người thiện nam phát lòng tin, ở nhà hay xuất gia cũng nên thọ trì đọc tụng và giảng nói cho người khác nghe. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SO 1177 Tôi nghe như vay: Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, trong vườn cấp Cô Độc. Bay giơ, The Ton bao các Ty-kheo: Ví như có một con sông tro, bờ phía Nam rất nóng, nhiều gai nhọn và tối tăm, trong sông có nhiều tội nhân trôi dạt theo dòng. Trong đó có một người thông minh trí tuệ, ưa vui chán khô, ham sông sợ chét, khởi nghĩ răng: "Hiện tại ta do duyên gì mà ở trong sông tro này, phía Nam thì nóng bức lại nhiều gai nhọn và toi tăm, ta lại bị trôi dạt như vậy? Bây giờ ta sẽ dùng chân tay làm phương tiện bơi ngược dòng đi lên, dần dần ta có thể thấy được chút ánh sáng." Người áy thâm nghĩ như thê roi tức thì thây được chút ánh sáng. Do đó, người ấy hăng say vận dụng tay chân hết sức bơi lên và thấy được đất bằng, bèn leo lên đứng trên đất đó quan sát chung quanh, thấy một ngọn núi đá lớn vững chắc, không hang ổ, không nứt bể, liền leo lên ngọn núi đó đứng nhìn và thấy được ao nước bát phần trong xanh mát mẻ. Nước ấy có tám đặc tính: Mát lạnh, nhẹ nhàng, êm dịu, thơm tho, trong xanh, uống không bị nghẹn cổ, uống vào thì thân thể được khỏe mạnh an lạc. Người ấy liền bước xuống uống hoặc tắm, và được xa lìa nóng bức. Sau đó, người ấy leo lên một ngọn núi lớn và gặp bảy loài hoa đẹp, đó là hoa ưu-bát-la, hoa bát-đàm-ma, hoa câu-mâu-đầu, hoa phân-đà- lợi? hoa tu-kiên-đề, hoa di-lu-đầu-kiên-đề5 hoa a-đề-mục-đa, hương thơm ngào ngạt. Rồi người ấy lại leo lên núi đá thấy một tòa nhà có bốn bậc cấp liền ngồi trên ấy thì thấy năm tấm màn rủ xuống che lại. Người ấy liền vén màn vào bên trong ngôi ngay thăng, thây đây đủ gôi5 mên, rải hoa cùng kháp, trang nghiêm đẹp đẽ. Người ấy tự do ngồi nằm, gió mát bốn bề, thân thể an ổn. Người ấy ngồi ngay thẳng dưới rừng cây cao, cất lớn tiếng xướng: "Hỡi các chúng sanh, các Hiền chánh sĩ trong sông tro! Con sông này bờ phía Nam nóng bức, gai góc tối tăm. Quý vị hãy nên tìm đường để ra khỏi con sông này." Trong đó có người nghe được âm thanh này, nương theo tiếng hỏi lại: “Ra hướng nào? Theo chỗ nào ra?"

KINH TẠPA-HÀM 957

Trong đó lại có người nói: "Người đây cần phải hỏi chỗ nào ra được. Người kia có lớn tiếng kêu gọi, họ cũng không tự biêt, không thây chô nào ra được, người đó cũng sẽ ở lại sông tro này, phía Nam nóng bức, gai góc tối tăm, cứ theo dòng trôi xuống. Chớ hỏi kia làm gi!" Như thế, Tỳ-kheo, Ta sẽ giải thích ví dụ này. Tro chỉ cho ba ác giác bất

thiện. Những gì là ba? Đó là dục giác, sân giác và hại giác. Sông chỉ cho ba ái: Dục ái, sắc ái và vô sác ái. Bờ phía Nam rát nóng bức chỉ cho nội ngoại sáu nhập xứ. Nhiều gai nhọn chỉ cho ngũ dục. Chỗ tối tăm là chỉ cho vô minh che đậy tuệ nhãn. Chúng tội nhân chỉ cho phàm phu ngu si. Dòng là chỉ sông sanh tử. Trong đó có người thông minh trí tuệ là chỉ cho đại Bồ-tát. Dùng tay chân làm phương tiện bơi ngược dòng là chỉ cho tinh cần tu học. Lóe thấy một chút ánh sáng là được pháp nhãn. Gặp được đất bằng là chỉ cho trì giới. Quan sát bôn phương là chỉ cho thây được bôn chân đê. Núi đá lớn là chỉ cho chánh kiến. Nước bát phần là chỉ cho bát chánh đạo. Bảy loài hoa là chỉ cho bảy giác phần. Nhà bốn bực cấp là chỉ cho bốn như ý túc. Năm trụ màn là chỉ cho năm căn: Tín, tấn, niệm, định, tuệ. Thân ngồi ngay thẳng là chỉ cho Vô dư Niết-bàn. Rải hoa cùng khắp là chỉ cho các thiền định, giải thoát, tam-muội chánh thọ. Tự do ngồi nằm là chỉ cho Như Lai, ứng Cúng, Đẳng Cháiìh Giác. Gió thổi bốn bề là chỉ cho bốn tâm tăng trưởng thấy pháp an lạc. cất tiếng kêu gọi là chỉ cho chuyển pháp luân. Kia có người hỏi: "Chu Hiền chánh sĩ đi chỗ nào, ra chỗ nào?", là chỉ cho Xá-lợi-phất9 Mục-kiền-liên và các Hiền tháipi Tỳ-kheo. ở trong đó có người nói: “Anh có hỏi thì người kia cũng không biết, không thấy có chỗ ra9\ là chỉ cho họ cũng sẽ còn ở sông tro này. Bờ phía Nam nóng bức, nhiều gai nhọn và chỗ tối tăm theo dòng trôi xuống là chỉ cho lục sư ngoại đạo tà kiến. Đó là Phú-lan-na Ca-diếp, Mạt-già-lê-cù-xá-lê tử, Tán-xà-la-tỳ-la-chi tử, A-kỳ-đa-chỉ-xá-khâm-bà-la, Ca-câu-la-ca-đàn-diên? Ni-kiền-liên-đà-xà-đề, Phất-đa-la và những người tà kiến khác. Như thế, Tỳ-kheo, Đại sư vì các Thanh văn làm những việc đáng làm, nay Ta đã làm xong. Bây giờ các thầy phải làm những việc đáng làm như Ta đã nói trong Kinh khạp đựng ran độc. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 1178 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú tại nước Di-hy-la, trong vườn Am-la. Bấy giờ, có thiếu phụ Bà-la-môn tên Bà-tứ-tra có sáu người con chết liên tiếp. Vì quá nhớ thương con nên bà phát điên, xõa tóc, lõa hình, chạy cùng đường đến trong vườn Am-la.

Nguồn: Giảng Sư (giangsu.io.vn) — văn bản trích từ kho sách cổ và kinh điển.